

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/HNGĐ-ST  
Ngày 22/7/2022  
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân  
và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Tương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:**  
Bà: Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Mai Thị L, sinh năm 1977

**Bị đơn:** Anh Đỗ Trọng T, sinh năm 1961

Đều trú tại: thôn C, xã V, huyện Y, tỉnh Thái Bình

(Chị L có đơn xin xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ 2)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị L trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và địa phương sinh sống, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh T cờ bạc và bạo hành chị,

chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Đỗ Trọng L1, sinh ngày 14/5/1996, Đỗ Thị C, sinh ngày 24/10/2000 và Đỗ Trọng L2, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay cháu L1 và cháu C đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu L2 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến làm việc, em dâu của anh T là chị Vũ Thị T2 và UBND xã V xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh T và chị L là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nhiều lần chị L đã bỏ qua để vợ chồng vun vén nuôi dạy con cái nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, hiện tại anh T đang làm thợ xây tự do tại địa phương, anh biết việc chị L xin ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc, anh chị có 03 con chung là Đỗ Trọng L1, sinh ngày 14/5/1996, Đỗ Thị C, sinh ngày 24/10/2000 và Đỗ Trọng L2, sinh ngày 29/9/2012. Hiện nay cháu L1 và cháu C đã thành niên còn cháu L2 đang ở với chị L. Về tài sản chung thì không có và không nợ ai và các tổ chức nào. Quan điểm của gia đình và chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn cho chị L vì vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và đảm bảo quyền nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử và nghị án đều đúng quy định của pháp luật, việc bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia

đình xử cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Đỗ Trọng T. Giao con chung là Đỗ Trọng L2, sinh ngày 29/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản chung, nợ chung : Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xử vắng mặt, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, không thay đổi bổ sung gì. Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị Vũ Thị T2 và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương có trong hồ sơ để giải quyết theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt vì vậy căn cứ Điều 228, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị L và anh T là hợp pháp, trong quá trình chung sống , vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đều không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung là Đỗ Trọng L1, sinh ngày 14/5/1996, Đỗ Thị C, sinh ngày 24/10/2000 và Đỗ Trọng L2, sinh ngày 29/9/2012. Hiện cháu L1 và cháu C đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu L2 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Xét thấy hiện cháu L1 và cháu C đã thành niên và đã đi làm và tự nuôi sống được bản thân, còn cháu L2 hiện tại đang

sống cùng chị L, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, xét yêu cầu và đề nghị trên của chị L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị L được ly hôn anh Đỗ Trọng T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Trọng L2, sinh ngày 29/9/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0004085 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí, chị L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thái Thụy.
- THADS huyện Thái Thụy.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- UBND xã V
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Ngô Thế Tương**